Sao y; Hội đồng nhân dân huyện lệ Thủy; 25/02/2025 9:15:57

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **HUYỆN LỆ THỦY**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 166 /NQ-HĐND	*Lệ Thuỷ, ngày 20 tháng 02 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT

Phân bổ chi tiết danh mục công trình, dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương và đối ứng ngân sách tỉnh năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Lệ Thủy

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY
KHÓA XXI, KỲ HỌP THỨ 20

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 26/7/2022 của HĐND tỉnh về việc ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và hằng năm trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định 3708/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của UBND tỉnh về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương và đối ứng ngân sách tỉnh năm 2025 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 03/4/2023 của HĐND huyện về việc Phân bổ chi tiết danh mục công trình, dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Lệ Thủy;

Căn cứ Nghị quyết số 92/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND huyện về việc Phân bổ chi tiết danh mục công trình, dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương (nguồn vốn bổ sung) giai đoạn 2021-2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia: Xây dựng nông thôn mới và Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Lệ Thủy;

Căn cứ Nghị quyết số 95/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND huyện về việc Phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2023 thực hiện Dự án 2 (Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Lệ Thủy;

Căn cứ Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 05/12/2023 của HĐND huyện về việc phân bổ danh mục công trình, dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển

(nguồn vốn điều chỉnh, bổ sung) ngân sách Trung ương và vốn đối ứng ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025 và năm 2023 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Lệ Thủy;

Xét Tờ trình số 362/TTr-UBND ngày 14/02/2025 của Ủy ban nhân dân huyện về việc đề nghị Hội đồng nhân dân huyện thông qua Nghị quyết Phân bổ chi tiết danh mục công trình, dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương và đối ứng ngân sách tỉnh năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Lệ Thủy; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội, ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ chi tiết danh mục công trình, dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương và đối ứng ngân sách tỉnh năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Lệ Thủy như sau:

Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển phân bổ năm 2025 là: 44.384 triệu đồng.

Trong đó:

- Ngân sách trung ương: 38.654 triệu đồng.
- Đối ứng ngân sách tỉnh: 5.730 triệu đồng.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

Điều 2. HĐND huyện giao Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực HĐND huyện, hai Ban của HĐND huyện, các Tổ đại biểu HĐND huyện và các đại biểu HĐND huyện trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, UBND huyện phối hợp với Thường trực HĐND huyện để xem xét, giải quyết và báo cáo HĐND huyện tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Nghị quyết này đã được HĐND huyện Lệ Thủy khóa XXI, Kỳ họp thứ 20 thông qua ngày 20 tháng 02 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:
- TT HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- Sở NN&PTNT;
- Sở LĐ-TB&XH;
} (B/C)
- Các Đại điểu HĐND tỉnh bầu tại KV Lệ Thủy;
- Ban Thường vụ Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Hai ban HĐND huyện;
- Các Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban, đơn vị liên quan;
- TT HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Đăng Website UBND huyện;
- Lưu: VT, TCKH.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY T. QUẢNG BÌNH

Phan Hồng Đăng

Phụ lục

PHÂN BỔ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025 NGUỒN VỐN NSTW VÀ ĐỐI ỨNG NGÂN SÁCH TỈNH

THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ MÀ MIỀN NÚI

HUYỆN LỆ THỦY

(Kèm theo Nghị quyết số 166 /NQ-HĐND ngày 20 /02/2025 của HĐND huyện Lệ Thủy)

ĐVTL triệu đồng

TT	Nội dung/danh mục	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			Đã phân bổ								Kế hoạch vốn năm 2025			Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Trong đó					Tổng cộng	Trong đó			
					NSTW	NST		NSTW	NST	Đã phân bổ năm 2022 (tại NQ số 73/NQ-HĐND ngày 12/10/2022 và QĐ số 3379/QĐ-UBND ngày 12/10/2022) (NSTW_trđ)	Đã phân bổ năm 2023 (tại NQ số 86/NQ-HĐND ngày 03/4/2023; NQ 95/NQ-HĐND ngày 20/7/2023; NQ 96 ngày 05/12/2023) (NSTW_trđ)	Đã phân bổ năm 2024 (tại NQ số 110/NQ-HĐND ngày 19/3/2024) (trđ)				NSTW	NST		
												Tổng	NSTW	NST					
	Tổng số														**44.384**	**38.654**	**5.730**	**0**	**0**
I	**Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt**														**17.850**	**16.410**	**1.440**		
a	***Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất***			***31.710***	***28.830***	***2.880***	***13.860***	***12.420***	***1.440***	***1.500***	***4.030***	***8.330***	***6.890***	***1.440***	***17.850***	***16.410***	***1.440***		
1	Xã Kim Thuỷ	các thôn, bản	2022-2025	17.310	15.792	1.518	7.635	6.761	874	771	2.216	4.648	3.774	874	9.675	9.031	644	UBND xã Kim Thuỷ	
2	Xã Ngân Thuỷ	các thôn, bản	2022-2025	5.144	4.705	439	2.757	2.481	276	452	904	1.401	1.125	276	2.387	2.224	163	UBND xã Ngân Thuỷ	
3	Xã Lâm Thuỷ	các bản	2022-2025	9.256	8.333	923	3.468	3.178	290	277	910	2.281	1.991	290	5.788	5.155	633	UBND xã Lâm Thuỷ	
II	**Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết**			***35.770***	***35.770***	***0***	***25.222***	***25.222***	***0***	***7.290***	***9.772***	***8.160***	***8.160***	***0***	***10.548***	***10.548***	***0***		
1	Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư xã Kim Thuỷ	xã Kim Thuỷ	2022-2025	14.900	14.900		10.257	10.257	0	2.578	3.886	3.793	3.793		4.643	4.643		BQL DA ĐTXD&PTQĐ	
2	Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư xã Ngân Thuỷ	xã Ngân Thuỷ	2022-2025	5.130	5.130		5.130	5.130	0	2.134	2.000	996	996		0	0		BQL DA ĐTXD&PTQĐ	
3	Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư xã Lâm Thuỷ	xã Lâm Thuỷ	2022-2025	12.370	12.370		9.835	9.835	0	2.578	3.886	3.371	3.371		2.535	2.535		BQL DA ĐTXD&PTQĐ	

TT	Nội dung/danh mục	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			Đã phân bổ								Kế hoạch vốn năm 2025			Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
					Trong đó			Trong đó		Trong đó						Trong đó			
				Tổng cộng	NSTW	NST	Tổng cộng	NSTW	NST	Đã phân bổ năm 2022 (tại NQ số 73/NQ-HĐND ngày 12/10/2022 và QĐ số 3379/QĐ-UBND ngày 12/10/2022)	Đã phân bổ năm 2023 (tại NQ số 86/NQ-HĐND ngày 03/4/2023; NQ 95/NQ-HĐND ngày 20/7/2023; NQ 96 ngày	Đã phân bổ năm 2024 (tại NQ số 110/NQ-HĐND ngày 19/3/2024) (trđ)			Tổng cộng	NSTW	NST		
4	Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư xã Kim Thuỷ (vốn bổ sung tại NQ số 135/NQ-HĐND ngày 02/10/2023)	xã Kim Thuỷ	2024-2025	640	640		0	0	0			0			640	640		UBND xã Kim Thuỷ	
5	Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư xã Ngân Thuỷ (vốn bổ sung tại NQ số 135/NQ-HĐND ngày 02/10/2023)	xã Ngân Thuỷ	2024-2025	905	905		0	0	0			0			905	905		UBND xã Ngân Thuỷ	
6	Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư xã Lâm Thuỷ (vốn bổ sung tại NQ số 135/NQ-HĐND ngày 02/10/2023)	xã Lâm Thuỷ	2024-2025	1.825	1.825		0	0	0			0			1.825	1.825		UBND xã Lâm Thuỷ	
III	**Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc**						0	0	0			0							
	Tiểu dự án 1. Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			***35.170***	***35.170***	***0***	***23.474***	***23.474***	***0***	***5.983***	***7.051***	***10.440***	***10.440***	***0***	***11.696***	***11.696***	***0***		
a	**XÃ KIM THUỶ**			***12.022***	***12.022***	***0***	***8.024***	***8.024***	***0***	***2.045***	***2.410***	***3.569***	***3.569***	***0***	***3.998***	***3.998***	***0***		
1	Xây dựng Nhà sinh hoạt cộng đồng bản Bang, xã Kim Thủy	Bản Bang	2024-2025	1.650	1.650		0	0	0			0			1.650	1.650		UBND xã Kim Thuỷ	
2	Xây dựng công trình GTNT phục vụ sản xuất và dân sinh Bản Chuôn - Bang, xã Kim Thủy	Bản Chuôn	2024	1.250	1.250		119	119	0			119	119		1.131	1.131		UBND xã Kim Thuỷ	
3	Xây dựng công trình GTNT phục vụ sản xuất và dân sinh xã Kim Thủy (đoàn qua thôn An Mã)	thôn An Mã	2025	800	800		0	0	0			0			800	800		UBND xã Kim Thuỷ	

TT	Nội dung/danh mục	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			Đã phân bổ								Kế hoạch vốn năm 2025			Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Trong đó					Tổng cộng	Trong đó			
					NSTW	NST		NSTW	NST	Đã phân bổ năm 2022 (tại NQ số 73/NQ-HĐND ngày 12/10/2022 và QĐ số 3379/QĐ-UBND ngày 12/10/2022)	Đã phân bổ năm 2023 (tại NQ số 86/NQ-HĐND ngày 03/4/2023; NQ 95/NQ-HĐND ngày 20/7/2023; NQ 96 ngày	Đã phân bổ năm 2024 (tại NQ số 110/NQ-HĐND ngày 19/3/2024) (trđ)				NSTW	NST		
4	Xây dựng công trình GTNT phục vụ sản xuất và dân sinh bản Cây Bông 2, xã Kim Thủy	Bản Cây Bông	2025	417	417		0	0	0			0			417	417		UBND xã Kim Thuỷ	Thực hiện theo cơ chế đặc thù
b	**XÃ NGÂN THUỶ**			***10.842***	***10.842***	***0***	***7.237***	***7.237***	***0***	***1.845***	***2.174***	***3.218***	***3.218***	***0***	***3.605***	***3.605***	***0***		
1	Xây dựng công trình giao thông nông thôn phục vụ sản xuất và dân sinh Bản Khe Giữa, xã Ngân Thủy (giai đoạn tiếp theo)	Bản Khe Giữa	2024-2025	3.110	3.110		2.718	2.718	0			2.718	2.718		392	392		UBND xã Ngân Thuỷ	
2	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng Bản Khe Sung xã Ngân Thuỷ	Bản Khe Sung	2024-2025	2.213	2.213		0	0	0			0			2.213	2.213		UBND xã Ngân Thuỷ	
3	Xây dựng công trình thuỷ lợi (kênh mương nội đồng) phục vụ sản xuất xã Ngân Thuỷ (đoạn qua bản Cẩm Ly)	Bản Cẩm Ly	2025	1.000	1.000		0	0	0			0			1.000	1.000		UBND xã Ngân Thuỷ	
c	**XÃ LÂM THUỶ**			***12.306***	***12.306***	***0***	***8.213***	***8.213***	***0***	***2.093***	***2.467***	***3.653***	***3.653***	***0***	***4.093***	***4.093***	***0***		
1	Xây dựng công trình giao thông nông thôn phục vụ sản xuất và dân sinh bản Tân Ly (giai đoạn tiếp theo)	Bản Tân Ly	2024-2025	900	900		571	571	0			571	571		329	329		UBND xã Lâm Thuỷ	
2	Xây dựng công trình giao thông nông thôn phục vụ sản xuất và dân sinh bản Eo Bù -Chút Mút	Bản Eo Bù - Chút Mút	2024-2025	900	900		850	850	0			850	850		50	50		UBND xã Lâm Thuỷ	
3	Xây dựng công trình giao thông nông thôn phục vụ sản xuất và dân sinh bản Tăng Ký (giai đoạn tiếp theo)	Bản Tăng Ký	2024-2025	900	900		0	0	0			0			900	900		UBND xã Lâm Thuỷ	
4	Xây dựng công trình giao thông nông thôn phục vụ sản xuất và dân sinh bản Bạch Đàn (giai đoạn tiếp theo)	Bản Bạch Đàn	2024-2025	832	832		732	732	0			732	732		100	100		UBND xã Lâm Thuỷ	

TT	Nội dung/danh mục	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			Đã phân bổ								Kế hoạch vốn năm 2025			Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Trong đó					Tổng cộng	Trong đó			
					NSTW	NST		NSTW	NST	Đã phân bổ năm 2022 (tại NQ số 73/NQ-HĐND ngày 12/10/2022 và QĐ số 3379/QĐ-UBND ngày 12/10/2022)	Đã phân bổ năm 2023 (tại NQ số 86/NQ-HĐND ngày 03/4/2023; NQ 95/NQ-HĐND ngày 20/7/2023; NQ 96 ngày	Đã phân bổ năm 2024 (tại NQ số 110/NQ-HĐND ngày 19/3/2024) (trđ)				NSTW	NST		
5	Xây dựng công trình giao thông nông thôn phục vụ sản xuất và dân sinh bản Bạch Đàn (tuyến 2)	Bản Bạch Đàn	2025	1.500	1.500		0	0	0			0			1.500	1.500		UBND xã Lâm Thuỷ	
6	Xây dựng công trình giao thông nông thôn phục vụ sản xuất và dân sinh bản Bạch Đàn (đường ngõ xóm)	Bản Bạch Đàn	2025	500	500		0	0	0			0			500	500		UBND xã Lâm Thuỷ	Thực hiện theo cơ chế đặc thù
7	Xây dựng công trình giao thông nông thôn phục vụ sản xuất và dân sinh bản Eo Bù Chút Mút (giai đoạn 2)	Bản Eo Bù Chút Mút	2025	714	714		0	0	0			0			714	714		UBND xã Lâm Thuỷ	
IV	**ĐỐI ỨNG NGÂN SÁCH TỈNH**			**5.790**	**-**	**5.790**	**1.500**	**-**	**1.500**	**-**	**-**	**1.500**	**-**	**1.500**	**4.290**	**-**	**4.290**		
1	***Thực hiện Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt (vốn đối ứng ngân sách tỉnh bổ sung tại NQ số 135/NQ-HĐND ngày 02/10/2023)***			***4.470***	***-***	***4.470***	***1.160***	***-***	***1.160***	***-***	***-***	***1.160***	***-***	***1.160***	***3.310***	***-***	***3.310***		
	Xã Kim Thuỷ		2023-2025	2.712		2.712	704	0	704			704		704	2.008		2.008	UBND xã Kim Thuỷ	(vốn đối ứng ngân sách tỉnh bổ sung tại NQ số 135/NQ-HĐND ngày 02/10/2023)
	Xã Ngân Thuỷ		2023-2025	857		857	222	0	222			222		222	635		635	UBND xã Ngân Thuỷ	(vốn đối ứng ngân sách tỉnh bổ sung tại NQ số 135/NQ-HĐND ngày 02/10/2023)
	Xã Lâm Thuỷ		2023-2025	901		901	234	0	234			234		234	667		667	UBND xã Lâm Thuỷ	(vốn đối ứng ngân sách tỉnh bổ sung tại NQ số 135/NQ-HĐND ngày 02/10/2023)
2	***Thực hiện Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết (vốn đối ứng ngân sách tỉnh bổ sung tại NQ số 135/NQ-HĐND ngày 02/10/2023)***			***1.320***	***-***	***1.320***	***340***	***-***	***340***	***-***	***-***	***340***	***-***	***340***	***980***	***-***	***980***		

TT	Nội dung/danh mục	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			Đã phân bổ								Kế hoạch vốn năm 2025			Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
					Trong đó			Trong đó		Trong đó						Trong đó			
				Tổng cộng	NSTW	NST	Tổng cộng	NSTW	NST	Đã phân bổ năm 2022 (tại NQ số 73/NQ-HĐND ngày 12/10/2022 và QĐ số 3379/QĐ-UBND ngày 12/10/2022)	Đã phân bổ năm 2023 (tại NQ số 86/NQ-HĐND ngày 03/4/2023; NQ 95/NQ-HĐND ngày 20/7/2023; NQ 96 ngày	Đã phân bổ năm 2024 (tại NQ số 110/NQ-HĐND ngày 19/3/2024) (trđ)			Tổng cộng	NSTW	NST		
	Xã Kim Thuỷ		2023-2025	520		520	134	0	134			134		134	386		386	UBND xã Kim Thuỷ	(vốn đối ứng ngân sách tỉnh bổ sung tại NQ số 135/NQ-HĐND ngày 02/10/2023)
	Xã Ngân Thuỷ		2023-2025	528		528	136	0	136			136		136	392		392	UBND xã Ngân Thuỷ	(vốn đối ứng ngân sách tỉnh bổ sung tại NQ số 135/NQ-HĐND ngày 02/10/2023)
	Xã Lâm Thuỷ		2023-2025	272		272	70	0	70			70		70	202		202	UBND xã Lâm Thuỷ	(vốn đối ứng ngân sách tỉnh bổ sung tại NQ số 135/NQ-HĐND ngày 02/10/2023)